Số: 310/QĐ
Thời gian ký: 07/10/2020 07:17:23 +07:00

Đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ
Chương : 417

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
THU CHI HOẠT ĐỘNG NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày ……../……/2020)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu báo cáo quyết toán chi tiết từng đơn vị trực thuộc *(nếu có đơn vị trực thuộc)*						Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc *(nếu có đơn vị trực thuộc)*						Chênh lệnh
			Khối Văn phòng Sở	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Trung tâm thông tin và Thống kê KH&CN	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN	Trung tâm Phát triển phần mềm	Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng		Khối Văn phòng Sở	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Trung tâm thông tin và Thống kê KH&CN	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN	Trung tâm Phát triển phần mềm	Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	**Hoạt động hành chính sự nghiệp**															
1	**Doanh thu**	46.853,98	42.785,81	4.608,07		-	-		46.853,98	42.785,81	4.608,07	-	-	-	-	-
	a Từ ngân sách nhà nước cấp	46.545,98	42.477,82	4.608,07					46.545,98	42.477,82	4.608,07	-	-	-	-	-
	b Từ nguồn phí được khấu trừ để lại	308,00	308,00						308,00	308,00						-
	c Từ hoạt động khác															-
2	Chi phí	46.080,24	42.143,54	4.476,60		-	-		46.080,24	42.143,54	4.476,60	-	-	-	-	-
	a Chi phí hoạt động	45.964,97	42.028,26	4.476,60					45.964,97	42.028,26	4.476,60					-
	b Chi phí hoạt động thu phí	115,27	115,27						115,27	115,27						-
	c Từ hoạt động khác															-
3	Thặng dư thâm hụt	773,74	642,28	131,47					773,74							-
II	**Hoạt động sản xuất kinh doanh**									-	-					-
1	Doanh thu	34.723,01			9.235,67	7.285,14	2.799,10	15.403,09	34.723,01			9.235,67	7.285,14	2.799,10	15.403,09	-
	Thu từ nhà nước đặt hàng	*11.633,86*			*8.080,49*	*2.401,51*	*611,96*	*539,90*	*11.633,86*			8.080,49	2.401,51	611,96	539,90	-
	Thu từ sản xuất kinh doanh dịch vụ	*23.089,15*			*1.155,19*	*4.883,63*	*2.187,14*	*14.863,19*	*23.089,15*			1.155,19	4.883,63	2.187,14	14.863,19	-
2	Chi phí															-
	Chi phí nhà nước đặt hàng	*10.743,91*			*8.080,49*	*1.511,57*	*611,96*	*539,90*	*10.743,91*			*8.080,49*	*1.511,57*	*611,96*	*539,90*	-
	Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ	*16.184,09*			*1.155,19*	*3.794,45*	*2.552,81*	*8.681,65*	*16.184,09*			*1.155,19*	*3.794,45*	*2.552,81*	*8.681,65*	-
3	Thặng dư/ thâm hụt	6.905,06			-	1.089,18	(365,67)	6.181,54	6.905,06							-
III	**Hoạt động tài chính**															-
1	Doanh thu	5,13	0,40	0,01		1,124		3,600	5,131	0,399	0,009		1,124		3,600	-
2	Chi phí	0,10	0,10				-		0,097	0,097				-		-
3	Thặng dư/ thâm hụt	5,03	0,30	0,01		1,124	-	3,600	5,033	0,3010	0,009		1,124	-	3,600	-
IV	**Hoạt động khác**															-
1	Doanh thu	0,12					0,12		0,12					0,12		-
2	Chi phí															-
3	Thặng dư/ thâm hụt	0,12					0,12		0,12					0,12		-

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu báo cáo quyết toán chi tiết từng đơn vị trực thuộc *(nếu có đơn vị trực thuộ)*						Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc *(nếu có đơn vị trực thuộ)*						Chênh lệnh
			Khối Văn phòng Sở	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Trung tâm thông tin và Thống kê KH&CN	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN	Trung tâm Phát triển phần mềm	Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng		Khối Văn phòng Sở	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Trung tâm thông tin và Thống kê KH&CN	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN	Trung tâm Phát triển phần mềm	Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
V	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**	**1.455,09**				**218,06**		**1.237,03**	**1.455,09**							-
VI	**Các khoản bị giảm trừ**															-
VII	**Lỗ năm trước**															-
VIII	**Thặng dư/ thâm hụt**	**6.288,86**							**6.288,86**							-
1	Sử dụng KP TK của đơn vị hành chính	774,04	642,58	131,47					774,04	642,58	131,47					-
2	Phân phối các quỹ	5.820,36				872,25		4.948,11	5.820,36				872,25		4.948,11	-
3	Kinh phí CCTL															-